

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TRẦN ĐỀ
TỈNH SÓC TRĂNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 21/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 16 – 5 – 2022

“V/v Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly
hôn”

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRẦN ĐỀ, TỈNH SÓC TRĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Trần Huy Tùng.

2/ Ông Trần Hoàng Việt.

- Thư ký phiên tòa: Bà Lý Thị Qual – Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trần Đề tham gia phiên tòa:
Ông Nguyễn Kiến Thức, Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 5 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trần Đề, tỉnh Sóc Trăng, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 14/2022/TLST- HNGĐ ngày 27 tháng 01 năm 2022 về việc “Ly hôn và tranh chấp nuôi con khi ly hôn”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2022/QĐXXST–HNGĐ ngày 29 tháng 4 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Diệu H, sinh năm 1987 (Có mặt).

Địa chỉ: Số X, ấp N, xã L, huyện T, tỉnh S.

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Văn Mẫn E, sinh năm 1984 (Có mặt).

Địa chỉ: Số Y, ấp N, xã L, huyện T, tỉnh S.

Địa chỉ liên hệ: Ấp T, xã T, huyện T, tỉnh S.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và lời khai tại Tòa án, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Diệu H trình bày:

Bà Nguyễn Thị Diệu H với ông Nguyễn Văn Mẫn E kết hôn với nhau vào năm 2007. Hai người có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã T, huyện T, tỉnh S cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 23 ngày 03/02/2007. Sau khi kết hôn hai người chung sống bên gia đình bà H tại địa chỉ: Số X, ấp N, xã L, huyện T, tỉnh S.

Thời gian đầu hai người sống hạnh phúc đến tháng 11 năm 2021 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống thường xuyên cãi vã. Vì ông Mẫn E gia trưởng, bà H không có quyền hạn gì trong cuộc sống chung của vợ chồng. Từ đó bà H cảm thấy cuộc sống hôn nhân không còn hạnh phúc, không còn hợp nhau và yêu

thương nhau như trước nên bà H quyết định ly hôn. Mặc dù vẫn còn sống chung nhà nhưng việc ai nấy làm, không ai quan tâm đến ai.

Thời gian chung sống ông bà có hai con chung tên Nguyễn Thanh T, sinh ngày 28/4/2009 và Nguyễn Gia B, sinh ngày 29/6/2018. Hiện hai con đang sống cùng với bà H.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận.

Về nợ chung: Không có.

Nay bà Nguyễn Thị Diệu H yêu cầu Tòa án giải quyết:

- Về quan hệ hôn nhân: Yêu cầu được ly hôn với ông Nguyễn Văn Mẫn E.

- Về con chung: Yêu cầu được nuôi hai con. Không yêu cầu ông Mẫn E cấp dưỡng nuôi con.

- Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có. Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo lời khai trong quá trình giải quyết án cũng như tại phiên tòa bị đơn ông Nguyễn Văn Mẫn E trình bày:

Ông Nguyễn Văn Mẫn E thừa nhận về tình trạng hôn nhân, đăng ký kết hôn, con chung, tài sản chung và nợ chung như bà H đã trình bày là đúng. Nhưng ông Mẫn E không đồng ý ly hôn vì còn thương yêu vợ con.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên tòa:

Về tố tụng: Từ khi thụ lý vụ án đến khi khai mạc phiên tòa sơ thẩm, Thẩm phán, Thư ký đã tiến hành đúng, đầy đủ các thủ tục tố tụng theo quy định. Tại phiên tòa sơ thẩm, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu của bà Nguyễn Thị Diệu H ly hôn với ông Nguyễn Văn Mẫn E. Về con chung: Giao hai con cho bà H trực tiếp nuôi dưỡng và giáo dục, Ông Mẫn E không phải cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên không xem xét, giải quyết.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị Diệu H vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện yêu cầu Tòa án cho ly hôn với ông Nguyễn Văn Mẫn E. Quan hệ hôn nhân giữa bà Nguyễn Thị Diệu H với ông Nguyễn Văn Mẫn E là hôn nhân hợp pháp (hai người có đăng ký kết hôn). Trước khi kết hôn hai người có tìm hiểu nhau trước, kết hôn trên cơ sở tự nguyện, không bị ép buộc. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng đến năm 2021, thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do bất đồng quan điểm trong cuộc sống vợ chồng, hai người không tìm được tiếng nói chung, mục đích hôn nhân không đạt được. Từ tháng 11/2021, vợ chồng không quan tâm, chăm sóc nhau. Đối với ông Mẫn E, ông không đồng ý ly hôn với lý do còn thương yêu vợ con nhưng không đưa ra được những chứng cứ thuyết phục.

Thậm chí ông thừa nhận trong thời gian chờ Tòa án giải quyết, ông đã cố gắng thuyết phục bà H hàn gắn tình cảm, quay về chung sống nhưng bà H vẫn không đồng ý. Trong tình cảm vợ chồng phải xây dựng và phát triển từ hai phía. Tại Tòa, trong quá trình hòa giải, bà H cương quyết xin ly hôn, bà H cho rằng hiện nay bà không còn tình cảm với ông Mẫn E nữa. Nếu kéo dài cuộc hôn nhân này sẽ làm khổ cho cả hai và làm ảnh hưởng đến con cái. Xét thấy tình trạng hôn nhân của hai người đã mâu thuẫn trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Do đó bà H yêu cầu được ly hôn với ông Mẫn E là có căn cứ được quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 28/4/2009 và Nguyễn Gia B, sinh ngày 29/6/2018 đang sống cùng mẹ với gia đình bên ngoại. Bà H yêu cầu được quyền trực tiếp nuôi hai đứa con, không yêu cầu ông Mẫn E cấp dưỡng nuôi con. Xét thấy, về nguyên tắc việc trông nom, chăm sóc con chung là nghĩa vụ của cha mẹ. cháu T có nguyện vọng sống cùng mẹ. Còn cháu B còn nhỏ rất cần sự chăm sóc của mẹ. Nếu giao cháu B cho ông Mẫn E sẽ làm xáo trộn cuộc sống bình thường của cháu, gây ảnh hưởng đến tâm, sinh lý của cháu nên yêu cầu của bà H là hoàn toàn phù hợp với Điều 81 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Người không trực tiếp nuôi con lạm dụng thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định tại Điều 82, 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

[3] Về cấp dưỡng nuôi con, tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[4] Về án phí dân sự sơ thẩm: Do bà H yêu cầu nên bà H phải chịu theo luật định.

[5] Ý kiến của Kiểm sát viên tham gia phiên tòa về nội dung vụ án là có cơ sở nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lý trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: Điều 56; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014; điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, bà Nguyễn Thị Diệu H.

- Về hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Diệu H được quyền ly hôn với ông Nguyễn Văn Mẫn E.

- Về con chung: Giao cháu Nguyễn Thanh T, sinh ngày 28/4/2009 và Nguyễn Gia B, sinh ngày 29/6/2018 cho bà Nguyễn Thị Diệu H trực tiếp chăm

sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. Ông Nguyễn Văn Mẫn E không phải cấp dưỡng nuôi con. Ông Nguyễn Văn Mẫn E có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở. Trường hợp ông Mẫn E lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì bà H có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của ông Mẫn E. Vì quyền lợi hợp pháp của con, Tòa án có thể thay đổi người nuôi con, giải quyết việc cấp dưỡng cho con theo quy định của pháp luật.

- Về tài sản chung và nợ chung: Các đương sự không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

- Về án phí dân sự sơ thẩm:

+ Ông Nguyễn Văn Mẫn E không phải nộp án phí.

+ Bà Nguyễn Thị Diệu H phải chịu 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) án phí nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo biên lai thu số 0001980 ngày 20/01/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, tỉnh S. Như vậy bà H đã nộp xong án phí.

Án sơ thẩm được xét xử công khai, báo cho các đương sự biết có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND huyện T;
- Chi cục THA huyện T;
- TAND tỉnh S (P.KTNV&THA);
- Các đương sự.
- UBND xã T, huyện T, S;
- Lưu HSVA.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(Đã ký)

Nguyễn Hoàng